

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2019/DS-PT
Ngày: 20 – 11 – 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Phan Thanh Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị L**, sinh năm 1939. Cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (đã chết ngày 22/10/2017).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Lộc:

1. Ông **Phạm Văn D**, sinh năm 1950. Cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt).

2. Ông **Phạm Văn D1**, sinh năm 1955. Cư trú tại: Ấp Z, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phạm Văn D: Ông Đặng Văn N là Luật sư Văn phòng luật sư Đặng Văn N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt).

3. Ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1959. Cư trú tại: Ấp Z1, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt).

4. Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1965. Cư trú tại: Khóm M, phường N1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

5. Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1968. Cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

6. Bà **Phạm Thị D3**, sinh năm 1971. Cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

7. Ông **Phạm Văn H1**, sinh năm 1972. Cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

8. Ông **Phạm Văn T1**, sinh năm 1975. Cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L là: Ông **Phạm Văn D**, sinh năm 1955. Cư trú tại: Ấp Z, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Văn bản ủy quyền ngày 19/3/2018. (Có mặt).*

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1956. Cư trú tại: Ấp Z, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ: Bà Nguyễn Thị Thu T2 – sinh năm 1978. Cư trú tại: Số 673/8 đường Lê Hồng Phong, khóm I, phường I1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Phạm Văn D**, sinh năm 1950. Cư trú tại: Ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt).

2. Ông **Phạm Văn D1**, sinh năm 1955. Cư trú tại: Ấp Tân Tạo, thị trấn Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt).

3. Ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1959. Cư trú tại: Ấp Z1, thị trấn C, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. (Có Mặt).

4. Bà **Phạm Thị L1**, sinh năm 1965. Cư trú tại: Khóm N1, phường N2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

5. Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1968. Cư trú tại: Ấp Xẻo Lá, thị trấn Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

6. Bà **Phạm Thị D3**, sinh năm 1971. Cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

7. Ông **Phạm Văn H1**, sinh năm 1972. Cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

8. Ông **Phạm Văn T1**, sinh năm 1975. Cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Phạm Văn D1, ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị D2, ông Phạm Văn H1, ông Phạm Văn T2, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị L: Ông **Phạm Văn D**, sinh năm 1955. Cư trú tại: Ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Văn bản ủy quyền ngày 19/3/2018. (Có Mặt).*

9. Bà **Nguyễn Thị T4** (tên gọi khác: **Nguyễn Thị T5**), sinh năm 1957. Cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T4: Bà Nguyễn Thị Thu T2 – sinh năm 1978. Cư trú tại: Số 673/8 đường Lê Hồng Phong, khóm I, phường 1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

10. Anh **Nguyễn Thành Đ1**, sinh năm 1980. Cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Có yêu cầu vắng mặt).

11. Chị **Nguyễn Ngọc D4**, sinh năm 1983. Cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Có yêu cầu vắng mặt).

12. Anh **Nguyễn Hoàng N2**, sinh năm 1982. Cư trú tại Ấp X, thị trấn C1, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Có yêu cầu vắng mặt).

13. Anh **Nguyễn Hoài Đ2**, sinh năm 1988. Cư trú tại: Ấp X, thị trấn C1, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Hoài Đ2: Bà Nguyễn Thị Thu T2 – sinh năm 1978. Cư trú tại: Số 673/8 đường Lê Hồng Phong, khóm I, phường I1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

14. Chị **Nguyễn Thị Tuyết V1**, sinh năm 1984. Cư trú tại: Ấp X, thị trấn C1, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Có yêu cầu vắng mặt).

15. Chị **Nguyễn Thị Tuyết N3**, sinh năm 1978. Cư trú tại: Ấp J, xã J1, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Có yêu cầu vắng mặt).

16. Bà **Phạm Thị U**, sinh năm 1944. Cư trú tại: Ấp Z, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt).

17. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông **Từ Minh P1** – Chủ tịch. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, ông Phạm Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2015 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị L và người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, ông Phạm Văn D trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp với ông Nguyễn Văn Đ là của cụ Võ Thị TT (mẹ chồng của bà L) tặng cho ông Phạm Văn S (chồng bà L) và cho ông Đ mượn đất nền nhà để ở nhờ (diện tích khoảng 300m²). Trong quá trình sử dụng, ông Đ đã lấn chiếm

thêm phần đất vườn tạp sử dụng đến nay và đã kê khai đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 4.433m². Bà L yêu cầu ông Đ trả lại diện tích đất vườn tạp 4.133m², không yêu cầu trả lại phần đất nhà ở diện tích 300m². Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ đối với diện tích đất 1.638,4m², yêu cầu ông Đ trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế là 2.494,6m² thuộc một phần thửa 500 (diện tích 1.102m²) và thửa 506 (diện tích 1.392m²) tờ bản đồ số 16 đất tọa lạc tại ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Đồng thời, hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ tại một phần thửa 500 nêu trên.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T4, chị Nguyễn Ngọc D4, anh Nguyễn Thành Đ1, anh Nguyễn Hoàng N2, anh Nguyễn Hoài Đ2, chị Nguyễn Thị Tuyết V1 và chị Nguyễn Thị Tuyết N3 là bà Nguyễn Thị Thu T2 trình bày: Ông Đ thống nhất nguồn gốc đất là của cụ Võ Thị TT. Năm 1982, ông Đ và bà T nhận chuyển nhượng của cụ TT phần đất nền nhà và vườn tạp diện tích 4.433m² với giá 150 gia lúa, ông Đ và bà T4 đã sử dụng diện tích đất nêu trên ổn định, liên tục từ năm 1982 đến nay không ai tranh chấp. Ngày 25/01/1997, ông Đ kê khai đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 01/8/2001 ông Đ được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 4.433m² tại thửa 500 tờ bản đồ số 16. Đối với thửa đất 506 tờ bản đồ số 06 gia đình ông Đ đã sử dụng ổn định từ năm 1982, trong quá trình sử dụng đất ông Đ đã cải tạo đất vườn tạp thành đất trồng lúa, gia đình bà L đều hay biết nhưng không ai có ý kiến phản đối hay ngăn cản. Ông Đ là nông dân nên không hiểu biết về thửa đất, thực hiện theo Chỉ thị 10 năm 1997 ông Đ kê khai, đăng ký hết diện tích đất đang sử dụng, nhưng Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có thửa 506, mà cấp cho hộ ông Phạm Văn S diện tích 848m². Nay ông Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L đòi trả lại diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế 2.494,6m² thuộc một phần thửa 500 (diện tích 1.102m²) và thửa 506 (diện tích 1.392m²) tờ bản đồ số 16 đất tọa lạc tại ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Đồng thời, ông Đ yêu cầu Tòa án xem xét hủy 01 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Phạm Văn S tại thửa 506 tờ bản đồ số 16 diện tích đất theo đo đạc thực tế 1.392m² được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 01/8/2001.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị U trình bày: Bà U xác định nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà L với ông Đ là của cha mẹ ruột bà U là cụ Phạm Văn C2 và cụ Võ Thị TT. Vào thời gian nào không nhớ, cụ TT cho ông Đ mượn phần đất nền nhà cũ của cụ TT để cất nhà ở tạm sau đó chiếm sử dụng đến nay, còn phần đất vườn tạp cụ TT cho ông Phạm Văn S (anh ruột bà U), bà U không có chứng kiến việc cụ TT cho đất ông S và cho ông Đ mượn đất, mà chỉ nghe cụ TT nói lại. Bà U đồng ý với việc cụ TT tặng cho quyền sử dụng

đất cho ông S nên bà từ bỏ quyền lợi liên quan đến phần đất tranh chấp. Bà U đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L đối với ông Đ.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu ông Từ Minh P1 trình bày: Phần đất tranh chấp giữa bà L với ông Đ tại các thửa 500, 506 tờ bản đồ số 16. Thửa 500 tờ bản đồ số 16 diện tích 4.433m² do ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T5 (thực tế là bà Nguyễn Thị T4) kê khai, đăng ký ngày 25/01/1997 được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 01/8/2001, gồm 07 thửa tổng diện tích 22.387m². Thửa 506 tờ bản đồ số 16 diện tích 848m² do ông Phạm Văn S và vợ là bà Huỳnh Thị L kê khai, đăng ký ngày 28/01/1997 được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 01/8/2001, gồm 05 thửa tổng diện tích 10.444m². Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông S và hộ ông Đ không có đo đạc thực tế mà cấp theo bản đồ không ảnh thành lập năm 1997, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục của Luật Đất đai năm 1993 sửa đổi, bổ sung năm 1998. Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông Đ trả lại diện tích đất tranh chấp tại một phần thửa 500 và thửa 506 tờ bản đồ số 16 và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ liên quan đến diện tích đất tranh chấp, nếu có căn cứ chứng minh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho các đương sự chưa đúng với quy định của pháp luật thì Ủy ban nhân dân huyện sẽ cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 219, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 100, 203 Luật Đất đai; khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 1, 3 Điều 27 Pháp lệnh 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn đối với ông Nguyễn Văn Đ. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với ông Đ về việc đòi ông Đ trả lại diện tích đất 1.638,4m².

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L (do ông D là đại diện người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L) đối với ông Nguyễn Văn Đ về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 2.494,6m², thuộc một phần thửa 500 (diện tích 1.102m²) và thửa 506 (diện tích 1.392m²) tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Phạm Văn S tại thửa 506 tờ bản đồ số 16 diện tích 1.392m² theo Quyết định số 04/QĐ-UB ngày 04/01/1999 của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

4. Ông Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.392m² tại thửa 506 tờ bản đồ số 16 đất tọa lạc tại ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, vị trí và số đo được nêu tại mục [3].

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, ông Phạm Văn D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, ông Phạm Văn D vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là Luật sư Đặng Văn N trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định là của cụ C2 và cụ TT là cha mẹ chồng của bà L. Ông Đ khai khi mua đất thì có làm giấy tay có chữ ký của cụ TT, cụ C2; còn nhân chứng ông Phạm Văn S1 thì xác định chỉ thấy giấy bán đất là giấy tập học sinh, ngoài ra không biết nội dung. Như vậy, trên thực tế không có giấy tay mua bán đất. Còn việc khi ông Đ kê khai ghi đất gốc là không đúng, các lời khai của các nhân chứng là mâu thuẫn nhau, ông Đoàn Văn L2 xác định không chứng kiến việc mua bán đất. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện V là cấp theo bản đồ không ảnh, không có đo đạc thực tế, nên việc cấp giấy cho ông Đ là không đúng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đại diện nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký từ khi thụ lý tới thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn D, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 33/2019/DSST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến

trình bày của Luật sư, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ Nguyễn Ngọc D4; anh Nguyễn Hoàng N2; chị Nguyễn Thị Tuyết V1; anh Nguyễn Thành Đ1; chị Nguyễn Thị Tuyết N3 và Ủy ban nhân dân huyện V xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3] Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/9/2018, Trích đo hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 08/10/2018, Công văn số 80/TNMT ngày 10/6/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, tỉnh Bạc Liêu thì phần đất tranh chấp có diện tích 2.494,6m², thuộc một phần thửa 500 (diện tích 1.102m²) và thửa 506 (diện tích 1.392m²) tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

* Phần đất tranh chấp thứ 1 thuộc một phần thửa 500 tờ bản đồ số 16, diện tích 1.102m², có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp rạch X có số đo 16,17m, 2,49m, 2,16m, 4,17m, 3,81m, 5,74m, 2,82m;

- Hướng Tây giáp đất ông Đ đang sử dụng (đất tranh chấp thứ 2) có số đo 17,53m, 6,53m, 3,82m;

- Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn T6 có số đo 44,41m;

- Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn Đ có số đo 28,48m.

Hiện trạng là đất nhà ở, vườn tạp (do con ông Đ là anh Nguyễn Thành Đ1, chị Nguyễn Ngọc D4 đang sử dụng). Do hộ ông Nguyễn Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Phần đất tranh chấp thứ 2 thuộc thửa 506 tờ bản đồ số 16, diện tích 1.392m², có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Đ đang sử dụng không tranh chấp có số đo 9,79m, 29m và phần đất tranh chấp thứ 1 có số đo 17,53m, 6,53m, 3,82m;

- Hướng Tây giáp với đất ông Nguyễn Văn T6 có số đo 9,93m, 25,16m, 25,98m;

- Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn T6 có số đo 16,35m, 4,03m, 6,58m;

- Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn T6 có số đo 17,68m.

Hiện trạng một phần diện tích là đất trồng lúa (diện tích 1.069,75m²), một cái ao nuôi cá (diện tích 183,74m²), một cái ao lạng (diện tích 138,51m²) do ông Điền đang canh tác, sử dụng. Do hộ ông Phạm Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn D không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Đ giao trả diện tích đất 2.494,6m² cho gia đình ông. Hội đồng xét xử xét thấy bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Văn Đ cùng xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Võ Thị TT. Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2015 (bút lục 60) bà L xác định cụ TT có diện tích đất 4.433m², cụ TT đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ phần đất nền nhà có diện tích 300m², phần đất vườn tạp còn lại cụ TT cho ông Phạm Văn S, nhưng người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L là ông Phạm Văn D và bà Phạm Thị U (con gái cụ TT) lại xác định cụ TT cho ông Đ mượn phần đất nền để cất nhà ở. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2016 (bút lục 75) ông D lại khai cụ TT có chuyển nhượng cho ông Đ một cái nền nhà. Xét thấy, lời khai của ông D mâu thuẫn với nhau và mâu thuẫn với bà L nên không được chấp nhận. Ông Nguyễn Văn Đ thì xác định vào năm 1982 ông có nhận chuyển nhượng của cụ Võ Thị TT diện tích đất 4.433m² gồm đất nền và vườn tạp với giá 150 gia lúa. Lời trình bày của ông Đ phù hợp với lời khai của anh Phạm Văn S1 là cháu nội của cụ TT, ông Đoàn Văn L2 (nguyên là Trưởng ấp X), ông Lưu Văn M, ông Võ Hồng T7. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định sự việc cụ Võ Thị Tiên chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn Đ là có xảy ra trên thực tế.

[5] Bà Huỳnh Thị L xác định cụ Võ Thị TT cho ông Phạm Văn S phần đất vườn tạp còn lại nhưng bà không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình, gia đình ông Phạm Văn S cũng không sử dụng phần đất này, mà đất do gia đình ông Nguyễn Văn Đ sử dụng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2019 (bút lục 106) ông Nguyễn Văn Đ xác định từ khi nhận chuyển nhượng đất thì ông sử dụng ổn định không ai ngăn cản, đến năm 2012 mới phát sinh tranh chấp, ông Phạm Văn D cũng thừa nhận từ năm 2012 mới ngăn cản ông Đ sử dụng đất (bút lục 417), nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông Nguyễn Văn Đ có nhận chuyển nhượng đất từ cụ TT và sử dụng phần đất tranh chấp ổn định, liên tục hơn 30 năm mà không ai ngăn cản, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L.

[6] Đối với việc hộ ông Phạm Văn S được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 506 tờ bản đồ 16, phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 1.392m² thì Ủy ban nhân dân huyện V đã ban hành Công văn số 1613/UBND-NC ngày 27/11/2017 xác định khi cấp giấy không có đo đạc thực tế mà chỉ cấp theo bản đồ địa chính thành lập năm 1997. Trong khi đó, ông D thừa nhận đất tranh chấp tại thửa 506 do gia đình ông Đ quản lý, sử dụng cải tạo đất vườn tạp thành đất trồng lúa. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông S tại thửa 506 tờ bản đồ số 16 diện tích 848m² vào ngày 01/8/2001 chỉ dựa vào bản đồ địa chính, không đo đạc, khảo sát người đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất là thuộc trường hợp cấp không đúng đối tượng, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Đ. Căn cứ vào khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử có căn

cứ hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Phạm Văn S tại thửa 506 tờ bản đồ số 16 diện tích theo đặc thực tế là 1.392m² theo Quyết định số 04/QĐ-UB.B ngày 04/01/1999 của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Ông Nguyễn Văn Đ không có yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 506 diện tích 1.392m². Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tuyên ông Đ có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.392m² tại thửa 506 tờ bản đồ số 16 đất tọa lạc tại ấp X, thị trấn C, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu là không phù hợp, không cần thiết, nên cấp phúc thẩm điều chỉnh phần này cho phù hợp.

[8] Từ những phân tích trên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn D, có căn cứ chấp nhận đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm ông Phạm Văn D phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 219, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 100, 203 Luật Đất đai; khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 1, 3 Điều 27 Pháp lệnh 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn D. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn đối với ông Nguyễn Văn Đ. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với ông Đ về việc đòi ông Đ trả lại diện tích đất 1.638,4m².

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L (do ông D là đại diện người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L) đối với ông Nguyễn Văn Đ về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 2.494,6m², thuộc một

phần thửa 500 (diện tích 1.102m²) và thửa 506 (diện tích 1.392m²) tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Phạm Văn S tại thửa 506 tờ bản đồ số 16 diện tích 848m² (diện tích đo đạc thực tế 1.392m²) theo Quyết định số 04/QĐ-UB.B ngày 04/01/1999 của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Kèm theo bản án là mảnh trích đo địa chính ngày 08/10/2018 – bút lục 306A).

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà L (do ông D là đại diện người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L) phải chịu 11.392.561 đồng (mười một triệu ba trăm chín mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi một đồng). Ông D đã nộp đủ số tiền trên và đã chi phí hết vào việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

5. Về án phí:

5.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L (do ông D là đại diện người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L) phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) tại Biên lai số 006679 ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu; ông D được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm nghìn đồng).

5.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn D phải chịu. Ông Phạm Văn D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004956 ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Dũng